

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 753/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1556/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 9028/QĐ-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương về Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 912/TTr-SCT ngày 26 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu (sau đây gọi tắt là bình chọn) do Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố (sau đây gọi tắt là Ban chỉ đạo) tổ chức xét và bình chọn định kỳ 2 năm một lần cho các doanh nghiệp có sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ có giá trị gia tăng cao, góp phần vào sự phát triển công nghiệp Thành phố.

Điều 3. Giao Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ Thành phố (đơn vị trực thuộc Sở Công Thương) là cơ quan thường trực của việc bình chọn, có nhiệm vụ phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tham mưu cho Ban chỉ đạo trong việc tổ chức xét chọn, quyết định công nhận và tổ chức trao giải.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền Thông, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận huyện, Chủ tịch các hội, hiệp hội Thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 753/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định việc bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu thành phố Hồ Chí Minh nhằm tìm kiếm những sản phẩm - nhóm sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ của Thành phố (sau đây gọi chung là sản phẩm) có khả năng đóng góp vào sự phát triển công nghiệp cũng như sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố.

Điều 2. Đối tượng và điều kiện tham gia

1. Đối tượng tham gia

Các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn Thành phố có hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ theo quy định pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.

2. Điều kiện tham gia

Sản phẩm tham gia là sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ thuộc các ngành công nghiệp: Cơ khí, Cao su - Nhựa, Lương thực - Thực phẩm, Điện tử, Dệt May, Da Giày.

Sản phẩm đã được công bố tiêu chuẩn áp dụng (đối với sản phẩm hoàn chỉnh) và không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm về gian lận thương mại.

Điều 3. Nguyên tắc bình chọn

1. Việc bình chọn được thực hiện công khai, minh bạch thông qua Hội đồng bình chọn.

2. Doanh nghiệp gửi sản phẩm tham gia bình chọn trên nguyên tắc tự nguyện, tự chịu trách nhiệm về các thông tin liên quan đến các sản phẩm của mình.

Điều 4. Thời gian tổ chức bình chọn

Định kỳ hai (02) năm tổ chức một kỳ bình chọn. Trong trường hợp cần kỷ niệm những sự kiện đặc biệt, Chủ tịch Hội đồng bình chọn xin ý kiến Trưởng ban chỉ đạo phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố về thời gian tổ chức bình chọn.

Chương II

TIÊU CHÍ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BÌNH CHỌN VÀ HÌNH THỨC CÔNG NHẬN

Điều 5. Tiêu chí bình chọn

1. Tiêu chí chung:

- Tốc độ tăng khối lượng/sản lượng sản xuất hàng năm của sản phẩm tham gia bình chọn.
- Sản phẩm có giá trị gia tăng cao.
- Sản phẩm có thiết kế sáng tạo, tính ưu việt.
- Có hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, được sản xuất bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.
- Mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu.
- Sản phẩm tham gia thuộc danh mục kích cầu của Thành phố.

2. Tiêu chí cụ thể cho từng nhóm ngành:

Đối với ngành công nghiệp cơ khí:

- Sản phẩm là máy móc, thiết bị trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp.
- Sản phẩm là nguyên liệu, linh kiện để sản xuất máy móc, thiết bị trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp.

Đối với ngành công nghiệp Cao su - Nhựa:

- Là sản phẩm nhựa, cao su kỹ thuật cung ứng cho các ngành công nghiệp khác

(như cơ khí, lương thực - thực phẩm,...) đòi hỏi công nghệ kỹ thuật và độ chính xác cao.

Đối với ngành công nghiệp Lương thực - Thực phẩm

- Có hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP/ISO 22000).
- Sản phẩm sử dụng nguồn nguyên phụ liệu được sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ cao.

Đối với ngành công nghiệp Điện tử

- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (DIN, JIS, ASTM,..).
- Sản phẩm là nguyên liệu, linh kiện phục vụ cho hoạt động sản xuất sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm tham gia vào chuỗi liên kết giá trị sản phẩm.
- Sản phẩm có tính an toàn và ổn định, tiết kiệm năng lượng.

2.1 Đối với ngành công nghiệp Dệt May - Da Giày

- Sản phẩm gia công với tiêu chuẩn kỹ thuật cao cho các thương hiệu nổi tiếng.
- Sản phẩm có thương hiệu phát triển mạnh, có mức độ nhận biết của người tiêu dùng tăng nhanh.
- Sản phẩm sử dụng nguồn nguyên phụ liệu được sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ cao.
- Sản phẩm là nguyên phụ liệu, phụ kiện tham gia vào chuỗi cung ứng sản xuất các sản phẩm có thương hiệu phát triển mạnh hoặc các sản phẩm xuất khẩu.

Điều 6. Điều kiện sản phẩm được bình chọn

- Hội đồng bình chọn sẽ bình chọn các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ đạt tổng số điểm từ 70% trở lên.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký

Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu được lập thành 03 bộ và gửi bằng đường Bưu điện hoặc gửi trực tiếp về Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ Thành phố theo địa chỉ: Lầu 10 số 163 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, Tp.HCM

Thành phần hồ sơ gồm:

1. Phiếu đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn theo mẫu.
2. Ảnh màu (kích cỡ 20cm x 30cm) chụp sản phẩm (hoặc sản phẩm đại diện cho nhóm sản phẩm) từ mặt trước, cạnh và mặt sau.

3. Các tài liệu:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao báo cáo tài chính của 3 năm liền kề trước năm đăng ký;
- Bản sao một trong các tài liệu sau: giấy chứng nhận hợp chuẩn, bản công bố hợp chuẩn, giấy chứng nhận hợp quy, bản công bố hợp quy, bản công bố tiêu chuẩn áp dụng kèm kết quả thử nghiệm.
- Các tài liệu có liên quan chứng minh cho các nội dung được kê khai trong phiếu đăng ký (chứng chỉ, chứng nhận về môi trường, tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm, giấy khen, bằng khen cho sản phẩm,..).

Điều 8. Quy trình bình chọn

1. Giai đoạn sơ tuyển:

- Doanh nghiệp gửi bản đăng ký theo mẫu và hồ sơ dự tuyển theo quy định về cơ quan thường trực.
- Cơ quan thường trực tiếp nhận, lựa chọn các hồ sơ đảm bảo yêu cầu về đối tượng, điều kiện tham gia. Những hồ sơ chưa đầy đủ hay chưa phù hợp sẽ được yêu cầu bổ sung, điều chỉnh hoặc bị loại ngay từ vòng sơ tuyển.

2. Giai đoạn đánh giá:

- Cơ quan thường trực tổng hợp và công bố kết quả sơ tuyển, đồng thời, lấy ý kiến nhận xét của các hội ngành nghề liên quan và lấy ý kiến độc giả,... báo cáo Hội đồng bình chọn.
- Tổ chức thẩm tra thực tế tại địa điểm của doanh nghiệp có sản phẩm tham gia bình chọn hoặc yêu cầu giải trình, làm rõ thông tin sản phẩm tham gia (nếu có) theo đề nghị của Hội đồng bình chọn.

3. Giai đoạn xét chọn:

- Thành viên Hội đồng tiến hành chấm điểm các sản phẩm đăng ký tham gia theo tiêu chí và thang điểm quy định.
- Cơ quan thường trực tổng hợp kết quả chấm điểm, tổ chức họp Hội đồng bình chọn và báo cáo Chủ tịch Hội đồng kết quả và các vấn đề khác cần xin ý kiến.
- Thống nhất, thông qua và thông báo công khai danh sách sản phẩm được Hội đồng bình chọn trên website của Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ để ghi nhận các ý kiến phản ánh trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo.

4. Giai đoạn công nhận:

- Cơ quan thường trực báo cáo kết quả bình chọn của Hội đồng và tham mưu Ban chỉ đạo ra Quyết định công nhận sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu.

- Ban chỉ đạo trao giấy chứng nhận cho các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu của Thành phố.

Điều 9. Hình thức công nhận

- Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố sẽ công nhận sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu bằng Quyết định đính kèm danh sách các sản phẩm được công nhận.

- Giấy chứng nhận có giá trị từ khi được ký công nhận đến hết ngày 31 tháng 12 của năm thứ ba tính từ năm được công nhận.

Chương III

QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 10. Quyền lợi của doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận

- Được giới thiệu trong các danh mục xúc tiến thương mại của thành phố.

- Được tham gia vào chương trình xúc tiến thương mại của Thành phố trong và ngoài nước, cụ thể: được hỗ trợ chi phí thuê gian hàng khi đưa các sản phẩm được bình chọn tham gia vào các hội chợ, triển lãm.

- Được hỗ trợ 100% chi phí quảng cáo trên Thời báo kinh tế Sài Gòn và trên trang thông tin điện tử của thành phố trong thời gian sản phẩm được công nhận.

- Được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Tp.HCM và Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa hỗ trợ các dự án phát triển sản phẩm đã được bình chọn.

- Được ưu tiên trong hỗ trợ kết nối ngân hàng - doanh nghiệp để vay vốn sản xuất kinh doanh theo các chương trình của Thành phố hoặc của Trung ương triển khai trên địa bàn Thành phố.

- Sản phẩm được ưu tiên xem xét mua sắm trong hoạt động mua sắm công của các cơ quan, ban ngành Thành phố.

- Được ưu tiên tham gia trong các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của Thành phố như kích cầu đầu tư; đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản

xuất; chương trình đào tạo nhân lực quản trị và công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm được công nhận.

- Được ưu tiên tham gia vào các sự kiện kết nối cung - cầu với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Được sử dụng logo sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận

- Báo cáo tình hình phát triển của sản phẩm về thị trường, doanh thu, dự báo những thuận lợi và khó khăn cho Ban chỉ đạo thông qua Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ Thành phố theo định kỳ trước ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12 hàng năm kể từ năm được công nhận.

- Phát triển sản phẩm và duy trì chất lượng đã đạt được kể từ khi được công nhận là sản phẩm công nghiệp tiêu biểu.

- Phối hợp với Hội đồng bình chọn giải quyết các khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn sản phẩm của doanh nghiệp (nếu có).

Chương IV KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 12. Thời hạn khiếu nại

- Thời hạn khiếu nại với sản phẩm tham gia bình chọn là 15 ngày kể từ ngày Hội đồng bình chọn thông báo kết quả bình chọn sản phẩm tiêu biểu.

- Hội đồng bình chọn có trách nhiệm tham mưu Ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đơn.

Điều 13. Xử lý vi phạm

- Trong thời gian giấy chứng nhận có hiệu lực, doanh nghiệp có sản phẩm tiêu biểu được công nhận nếu bị phát hiện có vi phạm gian lận trong quá trình tham gia bình chọn và các vi phạm quy định pháp luật khác làm ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố, tùy theo mức độ vi phạm mà xem xét, xử lý (thu hồi, hủy bỏ kết quả đã trao tặng,...)

- Việc thu hồi, hủy bỏ kết quả đối với sản phẩm đã được công nhận phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC BÌNH CHỌN

Điều 14. Cơ cấu tổ chức bình chọn gồm Hội đồng bình chọn và Tổ giúp việc

1. Hội đồng bình chọn:

Do Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố thành lập với số lượng từ 11-13 thành viên, cơ cấu Hội đồng bình chọn gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Sở Công Thương

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Lãnh đạo Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ

- Thành viên: là các chuyên gia từ Viện, Trường, Hiệp hội - hội ngành nghề và những cá nhân có kiến thức và am hiểu về lĩnh vực ngành nghề của sản phẩm tham gia bình chọn

Nhiệm vụ Hội đồng bình chọn:

- Nghiên cứu, tham khảo ý kiến nhận xét của các hội ngành nghề và ý kiến của độc giả để chấm điểm các sản phẩm tham gia theo tiêu chí và thang điểm đã công bố.

- Thẩm tra thực tế tại địa điểm của doanh nghiệp có sản phẩm tham gia bình chọn (nếu có).

- Hợp bình chọn và lựa chọn các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu của Thành phố.

- Tiếp nhận và tham mưu Ban chỉ đạo hướng xử lý đối với các phản ánh, khiếu nại liên quan đến sản phẩm được bình chọn.

2. Tổ giúp việc:

Do Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp hỗ trợ thành lập với cơ cấu như sau:

- Tổ trưởng: Lãnh đạo Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ

- Tổ phó: Lãnh đạo Thời báo Kinh tế Sài Gòn

- Tổ viên: đại diện các sở, ngành liên quan gồm Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Thông tin Truyền thông, Viện nghiên cứu phát triển Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp, Ban quản lý khu công nghệ cao, Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư, Hiệp hội doanh nghiệp Thành phố.

Nhiệm vụ Tổ giúp việc:

- Thực hiện các nhiệm vụ do Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp hỗ trợ phân công.
- Lựa chọn sản phẩm của các doanh nghiệp đảm bảo yêu cầu về đối tượng, điều kiện tham gia.
- Tổng hợp danh sách sản phẩm tham gia để gửi lấy ý kiến nhận xét của các hội ngành nghề liên quan và lấy ý kiến độc giả thông qua website, ấn phẩm của Thời báo Kinh tế Sài Gòn,...
- Tổ chức thẩm tra thực tế tại địa điểm của doanh nghiệp có sản phẩm tham gia bình chọn hoặc yêu cầu giải trình, làm rõ thông tin sản phẩm tham gia (nếu có) theo đề nghị của Hội đồng bình chọn.
- Tổ chức họp Hội đồng bình chọn và tổng hợp kết quả trình Ban chỉ đạo ra Quyết định công nhận sản phẩm tiêu biểu.

Chương VI PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Điều 15. Nhiệm vụ của các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan**1. Trung tâm Phát triển Công nghiệp hỗ trợ:**

Là cơ quan thường trực, giúp Ban chỉ đạo tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố.

- Tham mưu Ban chỉ đạo thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu thành phố.

- Xây dựng và tham mưu Ban chỉ đạo phê duyệt kinh phí, mẫu giấy chứng nhận, logo bình chọn.

- Triển khai công tác bình chọn: Tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia; tổng hợp danh sách để gửi lấy ý kiến; tổ chức để Hội đồng bình chọn thẩm tra thực tế tại địa điểm của doanh nghiệp có sản phẩm tham gia bình chọn (nếu có); tổ chức họp Hội đồng bình chọn.

- Thực hiện giám sát, báo cáo kết quả bình chọn và tham mưu Ban chỉ đạo ra Quyết định công nhận và trao giải cho các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp tiêu biểu của Thành phố được bình chọn.

- Chủ động làm việc với các doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận, từ đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ về xúc tiến thương mại và hỗ trợ về lãi suất thông qua chương trình kích cầu của Thành phố.

- Phối hợp với Thời báo kinh tế Sài Gòn xây dựng kế hoạch hỗ trợ kinh phí quảng cáo trên Thời báo kinh tế Sài Gòn và trên trang thông tin điện tử của thành phố trong thời gian sản phẩm được công nhận.

- Hỗ trợ doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận tham gia vào các sự kiện kết nối cung - cầu với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

2. Sở Tài chính:

Thực hiện thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp kinh phí thực hiện kế hoạch bình chọn và kinh phí hỗ trợ đối với các sản phẩm được công nhận.

3. Sở Nội vụ:

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định công nhận cho các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ được bình chọn là sản phẩm tiêu biểu cấp Thành phố.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ động làm việc với các doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận, từ đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ đổi mới máy móc thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

Chủ động làm việc với các doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận, từ đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực quản trị và công nhân trực tiếp sản xuất, nâng cao trình độ và tay nghề của người lao động nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

6. Sở Thông tin và Truyền Thông:

Tổ chức thông tin, tuyên truyền, quảng bá các hoạt động, sự kiện, sản phẩm doanh nghiệp tham gia chương trình.

7. Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố:

Nghiên cứu và đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ duy trì và phát triển các sản phẩm được công nhận.

8. Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện, các hội:

Thực hiện thông tin, tuyên truyền và vận động các doanh nghiệp đăng ký tham gia bình chọn.

Khảo sát, đề xuất các doanh nghiệp trong phạm vi quản lý tham gia bình chọn và là đầu mối liên hệ giữa doanh nghiệp với Tổ giúp việc.

9. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư:

Chủ động làm việc với các doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận, từ đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia giới thiệu sản phẩm tiêu biểu được bình chọn trong các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

10. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

Hỗ trợ kết nối giữa ngân hàng - doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận để vay vốn đầu tư phát triển sản phẩm đã được công nhận.

11. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Tp.HCM

Hỗ trợ dự án phát triển sản phẩm đã được công nhận của các doanh nghiệp.

Chương VII

KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức bình chọn và kinh phí hỗ trợ các sản phẩm tiêu biểu được công nhận sẽ do ngân sách Thành phố cấp (nguồn kinh phí không giao tự chủ, nguồn kinh phí xúc tiến thương mại,...) và từ nguồn xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, hiệp hội, hội ngành nghề và các đơn vị liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công triển khai thực hiện tốt Quy chế này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ Thành

phổ để tổng hợp, báo cáo, tham mưu Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

Mã số: _____



**PHIẾU ĐĂNG KÝ
THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM
CÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ
TIÊU BIỂU TP.HỒ CHÍ MINH**

*((Ban hành kèm theo Quyết định số 753/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 08 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố))*

Tên sản phẩm – nhóm sản phẩm:

Thuộc nhóm ngành:

Cơ khí Cao su – Nhựa Điện tử Lương thực – Thực phẩm Dệt may Da giày

Tên doanh nghiệp:

Mã số: _____

1. Khối lượng/sản lượng, doanh thu của sản phẩm:

	Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014		
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa+XK	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa+XK	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa+XK
Khối lượng/Sản lượng sản xuất (đơn vị tính)									
Tốc độ tăng khối lượng/sản lượng sản xuất so với năm trước liền kề (%)									
Doanh thu (VND, USD)									

2. Giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất:

	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu, linh kiện trên doanh thu ⁽¹⁾			

3. Thiết kế sản phẩm có từ: (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

- a. Sử dụng thiết kế do khách hàng cung cấp
- b. Mua thiết kế
- c. Tự nghiên cứu thiết kế

Nếu câu 3 chọn “**mua thiết kế/sử dụng thiết kế do khách hàng cung cấp**” thì bỏ qua câu 4. Nếu chọn “**tự nghiên cứu thiết kế**” thì vui lòng thực hiện câu 4

⁽¹⁾ được tính bằng cách lấy chi phí nguyên vật liệu, linh kiện để sản xuất ra sản phẩm đó (không bao gồm chi phí nhân công, mặt bằng, ...) chia cho doanh thu.

4. Thời gian đổi mới thiết kế sản phẩm là bao lâu? (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

- a. Dưới 3 tháng
- b. Khoảng 3 tháng 1 lần
- c. Khoảng 6 tháng 1 lần
- d. Khoảng 12 tháng 1 lần
- e. Theo chu kỳ sản phẩm dự kiến
- f. Theo thị trường

5. Điều gì làm cho sản phẩm của doanh nghiệp có sự khác biệt so với các loại khác trên thị trường: (có thể chọn nhiều câu)

- a. Chất lượng sản phẩm

Đề nghị giải thích cụ thể

.....

.....

.....

- b. Giá

Đề nghị giải thích cụ thể

.....

.....

.....

- c. Dịch vụ phân phối – hậu mãi

Đề nghị giải thích cụ thể

.....

.....

.....

- d. Tính đặc thù hay tính độc đáo khác biệt của sản phẩm đăng ký

Đề nghị giải thích cụ thể

.....

.....

.....

6. Doanh nghiệp đã được cấp chứng nhận quản lý chất lượng (hoặc chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế khác) về sản phẩm đăng ký hiện nay: (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

a. Chưa triển khai

b. Đang thực hiện, chờ chứng nhận.

(ghi rõ giai đoạn đang thực hiện, tên hệ thống quản lý, cơ quan sẽ chứng nhận:)

c. Đã có

(ghi rõ tên hệ thống quản lý, cơ quan chứng nhận, thời hạn của giấy chứng nhận:)

7. Máy móc thiết bị/dây chuyền (MMTB) đang sử dụng để sản xuất sản phẩm đăng ký:

Liệt kê 1 loại MMTB chính để sản xuất sản phẩm đăng ký	Mô tả công dụng của MMTB	Năm SX MMTB	Quốc gia sản xuất	Năm đầu tiên MMTB bắt đầu sử dụng
.....
.....
.....

8. Mức độ sử dụng máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất sản phẩm đăng ký ⁽²⁾

Chi phí lao động/tổng chi phí (tính trong năm 2014): _____%

9. Doanh nghiệp thực hiện chế độ kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm trong giai đoạn nào? (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

a. Chỉ ở công đoạn cuối cùng của sản phẩm

b. Bắt đầu từ công đoạn sản xuất đến giai đoạn hoàn thiện sản phẩm

c. Bắt đầu từ khâu chọn nguyên, vật liệu, linh kiện đến công đoạn hoàn thiện sản phẩm

⁽²⁾ được tính thông qua chi phí lao động bằng cách lấy chi phí lao động chia cho tổng chi phí để tạo ra sản phẩm đó

10. Quy trình sản xuất có tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường không?
(Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

- a. Không
- b. Có (đính kèm tài liệu chứng minh)

11. So với chất lượng các sản phẩm cùng loại hiện tại trên thị trường là (hãy nêu tên sản phẩm được so sánh): _____, thì chất lượng sản phẩm đăng ký của doanh nghiệp là như thế nào? (chọn 1 câu trả lời cho mỗi cột)

	Sản phẩm cùng loại được sản xuất ở trong nước	Sản phẩm cùng loại được sản xuất ở ngoài nước
a. Chất lượng thấp hơn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Chất lượng tương đương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Chất lượng cao hơn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

12. So với giá các sản phẩm cùng loại nhập khẩu hiện tại trên thị trường là (hãy nêu tên sản phẩm được so sánh): _____, thì giá sản phẩm đăng ký của doanh nghiệp là như thế nào? (Chọn 1 trong các câu trả lời sau đây)

- a. Giá cao hơn
- b. Giá tương đương
- c. Giá thấp hơn

(ghi cụ thể thấp hơn khoảng bao nhiêu % so với giá sản phẩm cùng loại nhập khẩu%)

13. Sản phẩm đăng ký của doanh nghiệp có xuất khẩu ra nước ngoài không?
(chọn 1 trong các câu trả lời sau)

- a. Không
- b. Có

Nếu chọn “Không” thì bỏ qua câu 14. Nếu chọn “Có” thì vui lòng thực hiện câu 14.

14. Sản phẩm đã xuất khẩu sang những thị trường nào sau đây? (có thể chọn nhiều câu trả lời)

- Bắc Mỹ ; Chiếm :% trên tổng doanh thu

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

- Châu Âu ; Chiếm :% trên tổng doanh thu

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

- Châu đại dương ; Chiếm :% trên tổng doanh thu

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

- Châu Á ; Chiếm :% trên tổng doanh thu

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

- Thị trường khác ; Chiếm :% trên tổng doanh thu

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

Tên quốc gia:Tiêu chuẩn đạt được

15. Năng lực sản xuất sản phẩm đăng ký năm 2014:

	Năm 2014
Năng lực sản xuất sản phẩm theo thiết kế (tính theo sản phẩm) ^(*)	
Năng lực sản xuất thực tế của sản phẩm	

(*) là khả năng sản xuất cao nhất của máy móc hoặc dây chuyền sản xuất hiện có trong điều kiện sử dụng đầy đủ và hợp lý các tư liệu sản xuất, áp dụng quy trình công nghệ tiên tiến, ...

(tính theo sản phẩm ⁽⁴⁾)	
Tỷ lệ năng lực sản xuất thực tế so với năng lực thiết kế ⁽⁵⁾ (tính theo %)	

16. Những kênh tiếp thị mà doanh nghiệp sử dụng (có thể chọn nhiều câu trả lời):

- a. Website doanh nghiệp
- b. Website thương mại, các dịch vụ quảng cáo trực tuyến
- c. Hội chợ, triển lãm, các chương trình xúc tiến thương mại
- d. Khách hàng cũ giới thiệu
- e. Các phương tiện truyền thông như báo, đài, truyền hình, truyền thanh
- f. Khác (đề nghị ghi rõ):

17. Doanh nghiệp đã đạt được những danh hiệu, giải thưởng uy tín nào về sản phẩm đăng ký hiện nay:

- a. Không
- b. Có

Nếu chọn “Có” thì nêu rõ tên các những danh hiệu, giải thưởng uy tín đã đạt được và đính kèm tài liệu chứng minh

- a.
- b.
- c.

18. Sản phẩm đăng ký có thuộc danh mục kích cầu cửa Thành phố ⁽⁶⁾?

- a. Không
- b. Có

⁽⁴⁾ là khối lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất trong kỳ trên cơ sở điều kiện thực tế hiện có về máy móc, thiết bị, nguồn nhân lực, tài chính,...

⁽⁵⁾ được tính bằng cách lấy năng lực SX thực tế chia cho năng lực thiết kế

⁽⁶⁾ Danh mục kích cầu theo Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28/5/2011 và Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 23/9/2013 của Ủy ban nhân dân TP (Trường hợp văn bản pháp luật hiện hành có sự thay đổi (sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế) thì áp dụng theo sự thay đổi đó)

**TỪ CÂU 19 TRỞ ĐI, TÙY THUỘC VÀO LĨNH VỰC SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ
ĐỂ DOANH NGHIỆP LỰA CHỌN CÁC CÂU PHÙ HỢP**

A. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Cơ khí thì thực hiện các câu: 19 và 20.

19. Sản phẩm đăng ký có phải là máy móc, thiết bị trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp?

- a. Không
- b. Có

Nếu chọn “Có” thì đề nghị mô tả cụ thể sản phẩm phục vụ cho hoạt động công nghiệp, nông nghiệp như thế nào? (công dụng/vai trò, ngành nghề/lĩnh vực cụ thể sản phẩm tham gia phục vụ, mô tả cụ thể sản phẩm được lắp đặt trong các dây chuyền tự động nào? với mục đích gì?,...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

20. Sản phẩm đăng ký có phải là nguyên liệu, linh kiện để sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp?

- a. Không
- b. Có

Nếu chọn “Có” thì đề nghị nêu rõ sản phẩm phục vụ cho việc sản xuất máy móc, thiết bị nào? thuộc lĩnh vực cụ thể nào? mô tả chi tiết.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

B. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Cao su – Nhựa thì thực hiện các câu: 21 và câu 22.

21. Sản phẩm đăng ký là sản phẩm nhựa, cao su kỹ thuật cung ứng cho ngành công nghiệp nào sau đây? (có thể chọn nhiều câu trả lời)

a. Cơ khí

Nêu rõ mục đích sử dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm

.....

.....

.....

b. Điện tử

Nêu rõ mục đích sử dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm

.....

.....

.....

c. Lương thực – Thực phẩm

Nêu rõ mục đích sử dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm

.....

.....

.....

d. Dệt may

Nêu rõ mục đích sử dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm

.....

.....

.....

.....

 e. Da giày

Nêu rõ mục đích sử dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm

.....

f. Ngành khác

Nêu rõ mục đích sử dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm

.....

22. Sản phẩm đăng ký có yêu cầu về mức độ công nghệ, kỹ thuật và độ chính xác cao hay không?

a. Không

b. Có

Nếu chọn "Có" thì đề nghị mô tả cụ thể

.....

C. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Lương thực – Thực phẩm thì thực hiện các câu: 23, 24, 25 và 26

23. Sản phẩm đăng ký có hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến HACCAP hoặc ISO 22000:2005 không?

a. Không

b. Đang xây dựng

Đề nghị ghi rõ giai đoạn đang thực hiện

.....
.....

c. Có (đính kèm chứng nhận)

24. Tỷ lệ nguyên vật liệu, linh kiện sản xuất trong nước được sử dụng để sản xuất sản phẩm đăng ký trong năm 2014 (tính theo trị giá được quy đổi về “Việt Nam đồng”):

a. Trong nước : %

b. Nhập khẩu : %

25. Mức độ ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện: (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

a. Bất ổn định thường phải tìm nguồn thay thế khác

b. Tương đối ổn định

c. Rất ổn định

26. Nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu có thể được thay thế bằng nguyên vật liệu, linh kiện trong nước không? (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

a. Không

b. Được nhưng không đạt yêu cầu chất lượng

c. Được nhưng sẽ làm tăng giá thành sản phẩm

d. Cả 2 câu b và c

D. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Điện tử thì thực hiện các câu: 27, 28 và câu 29

27. Sản phẩm đăng ký có đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang những thị trường có yêu cầu tiêu chuẩn cao?

a. Không

b. Có

Nếu chọn “CÓ” thì đề nghị liệt kê cụ thể thị trường và tiêu chuẩn nào?

.....

.....

.....

28. Sản phẩm đăng ký có phải là nguyên liệu, linh kiện để sản xuất sản phẩm xuất khẩu, tham gia vào chuỗi liên kết giá trị sản phẩm?

- a. Không
- b. Có

Nếu chọn “CÓ” thì đề nghị nêu rõ sản phẩm là nguyên liệu, linh kiện để sản xuất sản phẩm xuất khẩu nào? tham gia vào chuỗi liên kết giá trị sản phẩm của đối tác nào? mô tả cụ thể

.....

.....

.....

.....

29. Sản phẩm có đạt chứng nhận an toàn, ổn định và tiết kiệm năng lượng không?

- a. Không
- b. Có (đính kèm các chứng nhận, chứng chỉ liên quan)

E. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Dệt May – Da Giày thì thực hiện các câu: 30, 31, 32, 33, 34 và 35.

30. Hình thức gia công hiện nay đối với sản phẩm đăng ký? Nêu rõ sản phẩm được gia công cho thương hiệu, đối tác nào? hình thức, mức độ gia công (CMT, FOB, ODM)?

.....

.....

.....

.....

31. Tự đánh giá mức độ nhận biết của người tiêu dùng (tổ chức, cá nhân) đối với sản phẩm đăng ký (tình hình phát triển doanh thu, hệ thống phân phối, thị phần, thương hiệu, ...)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

32. Tỷ lệ nguyên vật liệu, linh kiện sản xuất trong nước được sử dụng để sản xuất sản phẩm đăng ký trong năm 2014 (tính theo trị giá được quy đổi về “Việt Nam đồng”):

a. Trong nước : %

b. Nhập khẩu : %

33. Mức độ ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện: (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

a. Bất ổn định thường phải tìm nguồn thay thế khác

b. Tương đối ổn định

c. Rất ổn định

34. Nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu có thể được thay thế bằng nguyên vật liệu, linh kiện trong nước không? (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

a. Không

b. Được nhưng không đạt yêu cầu chất lượng

c. Được nhưng sẽ làm tăng giá thành sản phẩm

d. Cả 2 câu b và c

35. Sản phẩm đăng ký có phải là nguyên phụ liệu, phụ kiện tham gia vào chuỗi cung ứng sản xuất các sản phẩm có thương hiệu phát triển mạnh hoặc các sản phẩm xuất khẩu?

a. Không

b. Có

Nếu chọn “C6” thì đề nghị nêu rõ sản phẩm tham gia vào chuỗi cung ứng cho sản xuất sản phẩm xuất khẩu nào, thương hiệu nào?

.....
.....
.....
.....
.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mã số: _____



**THANG ĐIỂM
ĐÁNH CHO BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG
NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TIÊU BIỂU
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 753 /QĐ-UBND
ngày 25 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Tên sản phẩm – nhóm sản phẩm:.....

Thuộc nhóm ngành:

Cơ khí

Cao su – Nhựa

Điện tử

Lương thực – Thực phẩm

Dệt may

Da giày

Tên doanh nghiệp:.....

Mã số: _____

1. Khối lượng/sản lượng, doanh thu của sản phẩm:

(chỉ tính điểm đối với chỉ tiêu về tốc độ tăng khối lượng/sản lượng sản xuất, đối với chỉ tiêu còn lại là doanh thu chỉ có tính chất tham khảo).

- Điểm tối đa: 9đ
- Cách tính: **Tốc độ tăng khối lượng/sản lượng sản xuất** được tính căn cứ vào cột “**Nội địa + Xuất khẩu**” theo từng năm; điểm sẽ cho theo **từng năm** và **cộng dồn** các năm lại với nhau sẽ được tổng điểm DN đạt được.

Tốc độ tăng khối lượng/sản lượng sản xuất	Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014		
	<10%	10-50%	>50%	<10%	10-50%	>50%	<10%	10-50%	>50%
Điểm từng năm	0	1 2	3	0	1 2	3	0	1 2	3
Tổng điểm									

2. Giá trị gia tăng (GTGT) của sản phẩm sản xuất:

- Điểm tối đa: 6đ
- Cách tính: Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu, linh kiện trên doanh thu được tính điểm cho từng năm, cộng dồn các năm lại với nhau sẽ được tổng điểm DN đạt được. Trong đó, sản phẩm có tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu, linh kiện trên doanh thu càng thấp thì điểm chấm sẽ càng cao.
- Thang điểm:

Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu, linh kiện trên doanh thu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Điểm từng năm	0 1 2	0 1 2	0 1 2
Tổng điểm			

3. Thiết kế sản phẩm đăng ký có từ :

- Điểm tối đa: 1đ
- Thang điểm:

	Sử dụng thiết kế do khách hàng cung cấp	Mua thiết kế	Tự nghiên cứu thiết kế
Điểm	0 1	0 1	0 1

4. Thời gian đổi mới thiết kế sản phẩm là bao lâu? Câu này chỉ tính điểm trong trường hợp sản phẩm “tự nghiên cứu thiết kế”

- Điểm tối đa: 1đ
- Thang điểm:

	Dưới 3 tháng	Khoảng 3 tháng 1 lần	Khoảng 6 tháng 1 lần	Khoảng 12 tháng 1 lần	Theo chu kỳ sản phẩm dự kiến	Theo thị trường
Điểm	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>

5. Điều gì làm cho sản phẩm của doanh nghiệp có sự khác biệt so với các loại khác trên thị trường:

- Điểm tối đa: 2đ
- Cách tính: trường hợp có nhiều câu trả lời thì câu trả lời nào có điểm cao nhất sẽ được chọn.
- Thang điểm:

	Chất lượng sản phẩm	Giá	Dịch vụ phân phối – hậu mãi	Tính đặc thù hay tính độc đáo
Điểm	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="2"/>

6. Doanh nghiệp đã được cấp chứng nhận quản lý chất lượng (hoặc chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế khác) về sản phẩm đăng ký hiện nay:

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

	Chưa triển khai	Đang thực hiện, chờ chứng nhận	Đã có (GCN còn hiệu lực)
Điểm	<input type="text" value="0"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="1"/> <input type="text" value="2"/>

7. Máy móc thiết bị/dây chuyền đang sử dụng để sản xuất sản phẩm đăng ký:

- Điểm tối đa: 6đ
- Cách tính: điểm cho theo từng mục gồm: năm sản xuất (mục 7.1); quốc gia sản xuất (mục 7.2) và năm đầu tiên bắt đầu sử dụng MMTB (mục 7.3). Cộng 3 mục (7.1+7.2+7.3) sẽ được tổng điểm mà DN đạt được.
- Thang điểm:

7.1 Năm sản xuất máy móc, thiết bị/dây chuyền

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

	MMTB được SX trước năm 2000	MMTB được SX trong thời gian 2001 - 2009	MMTB được SX từ năm 2010 đến nay
Điểm	0	0 1	1 2

7.2 Quốc gia sản xuất máy móc, thiết bị/dây chuyền

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

	Châu Âu, Nhật, Mỹ	Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Khác
Điểm	1 2	0 1	0

7.3 Năm đầu tiên máy móc, thiết bị/dây chuyền bắt đầu sử dụng

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

	Trước năm 2000	Từ năm 2001 - 2009	Từ năm 2010 đến nay
Điểm	0 1	0 1	1 2

Tổng điểm

(mục 7.1+mục 7.2 + mục 7.3)

8. Mức độ sử dụng máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất:

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

Chi phí lao động/tổng chi phí	<10%	10% - <40%	>= 40
Điểm	2	1	0

9. Doanh nghiệp thực hiện chế độ kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm trong giai đoạn nào?

- Điểm tối đa: 3đ
- Thang điểm:

	Giai đoạn cuối cùng của sản phẩm	Bắt đầu từ giai đoạn sản xuất sản phẩm	Bắt đầu từ khâu chọn nguyên, vật liệu, linh kiện
Điểm	0 1	1 2	2 3

10. Quy trình sản xuất có tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường không?

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

	Không	Có
Điểm	0đ	2đ

11. So với chất lượng các sản phẩm cùng loại hiện tại trên thị trường thì chất lượng sản phẩm đăng ký của doanh nghiệp là như thế nào ?

- Điểm tối đa: 2đ
- Cách tính: chỉ tính điểm đối với cột "sản phẩm đăng ký so với sản phẩm cùng loại được SX ở nước ngoài", riêng đối với cột "sản phẩm đăng ký so với sản phẩm cùng loại được SX trong nước" chỉ mang tính chất tham khảo

- Thang điểm:

	Chất lượng thấp hơn	Chất lượng tương đương	Chất lượng cao hơn
1. Sản phẩm đăng ký so với sản phẩm cùng loại được SX trong nước	0	0	0
2. Sản phẩm đăng ký so với sản phẩm cùng loại được SX ở nước ngoài	0	1	2

12. So với giá các sản phẩm cùng loại nhập khẩu hiện tại trên thị trường thì giá sản phẩm đăng ký của doanh nghiệp là như thế nào ?

- Điểm tối đa: 2đ

- Thang điểm:

	Giá cao hơn	Giá tương đương	Giá thấp hơn
Điểm	0 1	0 1	1 2

13. Sản phẩm đăng ký của doanh nghiệp có xuất khẩu ra nước ngoài không?

- Điểm tối đa: 2đ

- Thang điểm:

	Không	Có
Điểm	0đ	2đ

14. Sản phẩm đã xuất khẩu sang những thị trường nào sau đây? câu này chỉ được tính điểm khi câu 13 chọn "Có"

- Điểm tối đa: 14đ

- Cách tính: điểm được tính cho từng thị trường xuất khẩu. Cộng điểm của mỗi thị trường xuất khẩu sẽ được tổng điểm DN đạt được.

- Thang điểm:

Thị trường xuất khẩu	Bắc Mỹ	Châu Âu	Châu đại dương	Châu Á	Thị trường khác
Điểm	4 5	3 4	2 3	0 1	0 1
Tổng điểm					

15. Năng lực sản xuất sản phẩm:

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

Tỷ lệ năng lực sản xuất thực tế so với năng lực thiết kế	< 20%	20 % - 50%	> 50%
Điểm	0	0 1	1 2

16. Những kênh tiếp thị mà doanh nghiệp sử dụng:

- Điểm tối đa: 2đ
- Cách tính: điểm chỉ được tính cho 1 kênh tiếp thị, trường hợp doanh nghiệp chọn nhiều kênh tiếp thị thì kênh tiếp thị nào có điểm cao nhất sẽ được chọn.
- Thang điểm:

	Website DN	Website thương mại, các dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Hội chợ, triển lãm, các chương trình xúc tiến thương mại	Khách hàng cũ giới thiệu	Các phương tiện truyền thông	Khác
Điểm	0 1	0 1	1 2	0 1	0 1	0 1

17. Sản phẩm đăng ký đã đạt được những danh hiệu, giải thưởng uy tín về sản phẩm đăng ký hiện nay:

- Điểm tối đa: 1đ
- Thang điểm:

	Không	Có (không kể số lượng)
Điểm	0đ	1đ

18. Sản phẩm đăng ký có thuộc danh mục kích cầu của Thành phố?

- Điểm tối đa: 1đ
- Thang điểm:

	Không	Có
Điểm	0đ	1đ

**TỪ CÂU 19 TRỞ ĐI, CÁC CÂU SẼ ĐƯỢC CHẤM ĐIỂM TÙY THUỘC VÀO
LĨNH VỰC SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ**

A. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Cơ khí thì chấm điểm các câu: 19 và 20

19. Sản phẩm đăng ký có phải là máy móc, thiết bị trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp?

- Điểm tối đa: 15đ
- Thang điểm:

	Không	Có				
Điểm	0đ	1	2	3	4	5
		6	7	8	9	10
		11	12	13	14	15

20. Sản phẩm đăng ký có phải là nguyên liệu, linh kiện để sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp?

- Điểm tối đa: 25đ
- Thang điểm:

	Không	Có				
Điểm	0đ	1	2	3	4	5
		6	7	8	9	10
		11	12	13	14	15
		16	17	18	19	20
		21	22	23	24	25

B. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Cao su – Nhựa thì chấm điểm các câu: 21 và câu 22

21. Sản phẩm đăng ký là sản phẩm nhựa, cao su kỹ thuật cung ứng cho ngành công nghiệp nào sau đây?

- Điểm tối đa: 15đ

- Thang điểm:

	Các ngành công nghiệp				
Điểm	1	2	3	4	5
	6	7	8	9	10
	11	12	13	14	15

22. Sản phẩm đăng ký có yêu cầu về mức độ công nghệ, kỹ thuật và độ chính xác cao hay không?

- Điểm tối đa: 25đ
- Thang điểm:

	Không	Có				
Điểm	0	1	2	3	4	5
		6	7	8	9	10
		11	12	13	14	15
		16	17	18	19	20
		21	22	23	24	25

C. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Lương thực – Thực phẩm thì chấm điểm các câu: 23, 24, 25 và 26

23. Sản phẩm đăng ký có hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến HACCP hoặc ISO 22000:2005 hay không?

- Điểm tối đa: 10đ
- Thang điểm:

	Không	Đang xây dựng	Có
Điểm	0đ	1 2 3 4 5	10đ

24. Tỷ lệ nguyên vật liệu, linh kiện sản xuất trong nước được sử dụng để sản xuất sản phẩm đăng ký trong năm 2014 (tính theo trị giá):

- Điểm tối đa: 20đ

- Thang điểm:

Trong nước	1% – 20%	21% – 40%	41% – 60%	61% – 80%	81% – 100%																				
	<table border="1"><tr><td>1</td><td>2</td></tr><tr><td>3</td><td>4</td></tr></table>	1	2	3	4	<table border="1"><tr><td>5</td><td>6</td></tr><tr><td>7</td><td>8</td></tr></table>	5	6	7	8	<table border="1"><tr><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>11</td><td>12</td></tr></table>	9	10	11	12	<table border="1"><tr><td>13</td><td>14</td></tr><tr><td>15</td><td>16</td></tr></table>	13	14	15	16	<table border="1"><tr><td>17</td><td>18</td></tr><tr><td>19</td><td>20</td></tr></table>	17	18	19	20
1	2																								
3	4																								
5	6																								
7	8																								
9	10																								
11	12																								
13	14																								
15	16																								
17	18																								
19	20																								
Nhập khẩu	0đ																								

25. Mức độ ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện:

- Điểm tối đa: 6đ
- Thang điểm:

	Bất ổn định, thường phải tìm nguồn thay thế khác	Tương đối ổn định	Rất ổn định							
Điểm	<table border="1"><tr><td>0</td></tr></table>	0	<table border="1"><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td></tr></table>	1	2	3	<table border="1"><tr><td>4</td><td>5</td><td>6</td></tr></table>	4	5	6
0										
1	2	3								
4	5	6								

26. Nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu có thể được thay thế bằng nguyên vật liệu, linh kiện trong nước không?

- Điểm tối đa: 4đ
- Thang điểm:

	Không	Được nhưng không đạt yêu cầu chất lượng	Được nhưng sẽ làm tăng giá thành sản phẩm	Cả 2 câu b và c									
Điểm	<table border="1"><tr><td>0</td><td>1</td></tr></table>	0	1	<table border="1"><tr><td>1</td><td>2</td></tr></table>	1	2	<table border="1"><tr><td>1</td><td>2</td></tr></table>	1	2	<table border="1"><tr><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr></table>	2	3	4
0	1												
1	2												
1	2												
2	3	4											

D. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Điện tử thì chấm điểm các câu: 27, 28 và câu 29

27. Sản phẩm đăng ký có đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang những thị trường có yêu cầu tiêu chuẩn cao?

- Điểm tối đa: 5đ

- Thang điểm:

	Không	Có					
Điểm	0đ	<table border="1"> <tr> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> </tr> </table>	1	2	3	4	5
1	2	3	4	5			

28. Sản phẩm đăng ký có phải là nguyên liệu, linh kiện để sản xuất sản phẩm xuất khẩu, tham gia vào chuỗi liên kết giá trị sản phẩm?

- Điểm tối đa: 25đ

- Thang điểm:

	Không	Có																									
Điểm	0đ	<table border="1"> <tr> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>7</td> <td>8</td> <td>9</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>11</td> <td>12</td> <td>13</td> <td>14</td> <td>15</td> </tr> <tr> <td>16</td> <td>17</td> <td>18</td> <td>19</td> <td>20</td> </tr> <tr> <td>21</td> <td>22</td> <td>23</td> <td>24</td> <td>25</td> </tr> </table>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1	2	3	4	5																							
6	7	8	9	10																							
11	12	13	14	15																							
16	17	18	19	20																							
21	22	23	24	25																							

29. Sản phẩm có đạt chứng nhận an toàn, ổn định và tiết kiệm năng lượng không?

- Điểm tối đa: 10đ

- Thang điểm:

	Không	Có										
Điểm	0đ	<table border="1"> <tr> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>7</td> <td>8</td> <td>9</td> <td>10</td> </tr> </table>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	2	3	4	5								
6	7	8	9	10								

E. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Dệt May – Da Giày thì chấm điểm các câu: 30, 31, 32, 33, 34 và 35

30. Hình thức gia công hiện nay đối với sản phẩm đăng ký?

- Điểm tối đa: 5đ

- Thang điểm:

	Hình thức gia công					
Điểm	<table border="1"> <tr> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> </tr> </table>	1	2	3	4	5
1	2	3	4	5		

31. Tự đánh giá mức độ nhận biết của người tiêu dùng (tổ chức, cá nhân) đối với sản phẩm đăng ký

- Điểm tối đa: 5đ
- Các tính:
 - + Về doanh thu và giá trị gia tăng: tham khảo câu số 1 và câu 2
 - + Về thị trường: tham khảo câu số 11, 12, 13, 14 và câu 16
 - + Về giải thưởng: tham khảo câu số 17
- Thang điểm:

	Thương hiệu phát triển mạnh, mức độ nhận biết của người tiêu dùng tăng nhanh					
Điểm	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> </tr> </table>	1	2	3	4	5
1	2	3	4	5		

32. Tỷ lệ nguyên vật liệu, linh kiện sản xuất trong nước được sử dụng để sản xuất sản phẩm đăng ký trong năm 2014 (tính theo trị giá):

- Điểm tối đa: 10đ
- Thang điểm:

Trong nước	1% – 20%	21% – 40%	41% – 60%	61%–80%	81% –100%										
	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> </tr> </table>	1	2	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> </tr> </table>	3	4	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> </tr> </table>	5	6	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> </tr> </table>	7	8	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">10</td> </tr> </table>	9	10
1	2														
3	4														
5	6														
7	8														
9	10														
Nhập khẩu	0đ														

33. Mức độ ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện:

- Điểm tối đa: 6đ
- Thang điểm:

	Bất ổn định, thường phải tìm nguồn thay thế khác	Trung đối ổn định	Rất ổn định							
Điểm	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> </tr> </table>	0	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> </tr> </table>	1	2	3	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> </tr> </table>	4	5	6
0										
1	2	3								
4	5	6								

34. Nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu có thể được thay thế bằng nguyên vật liệu, linh kiện trong nước không?

- Điểm tối đa: 4đ
- Thang điểm:

	Không	Được nhưng không đạt yêu cầu chất lượng	Được nhưng sẽ làm tăng giá thành sản phẩm	Cả 2 câu b và c
Điểm	0 1	1 2	1 2	2 3 4

35. Sản phẩm đăng ký có phải là nguyên phụ liệu, phụ kiện tham gia vào chuỗi cung ứng sản xuất các sản phẩm có thương hiệu phát triển mạnh hoặc các sản phẩm xuất khẩu?

- Điểm tối đa: 10đ
- Thang điểm:

Điểm	1	2	3	4	5
	6	7	8	9	10

36. Đối với các sản phẩm công nghiệp được đề cử bởi các hội, hiệp hội và độc giả trên Thời báo Kinh tế Sài Gòn sẽ được cộng thêm 2 điểm.

Như vậy, tổng điểm theo các tiêu chí chính thức là 100 điểm và điểm cộng thêm là 2 điểm. Các sản phẩm được bình chọn trong số các sản phẩm đăng ký phải đạt tổng điểm từ 70 điểm trở lên.
